TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 7 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn giữa bà L và ông N.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé

Bà Nguyễn Thị Phương

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 83/2022/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phan Thị L, sinh năm 1969.
Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.
- *Bị đơn*: Ông Phan Thanh N, sinh năm 1965.
Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

(Bà L có mặt, ông N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Phan Thị L trình bày:

Bà và ông N tổ chức đám cưới năm 1990, đến năm 2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Long An, hôn nhân do mai mối. Trong thời gian sống chung cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nên thường xuyên cải nhau, ông N có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Bà và ông N không còn sống chung với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Bà thấy vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà và ông N có 05 người con chung tên: Phan Thành N, sinh ngày 1992; Phan Phú C, sinh năm 1993; Phan Phú T, sinh năm 1997; Phan Thịnh P,

sinh ngày 07/01/2008 và Phan Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 30/12/2015. Khi ly hôn, bà yêu cầu trực tiếp nuôi hai con chung Phan Thịnh P và Phan Ngọc Quỳnh A, không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con, còn các con chung còn lại đã thành niên bà không có yêu cầu gì.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà cam kết không có nợ chung.

Ông Phan Thanh N là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phan Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phan Thanh N. Ông N cư trú tại huyện Châu Thành, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Phan Thanh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Phan Thanh N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Long An vào ngày 11/3/2002 nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông N là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian sống chung giữa bà L và ông N đã xảy ra nhiều mâu thuẩn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, bà L và ông N không còn sống chung với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không đến Tòa án, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà L yêu cầu ly hôn với ông N là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[4] Về nuôi con chung: Đối với hai con chung tên Phan Thịnh P, sinh ngày 07/01/2008 và Phan Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 30/12/2015, hiện nay chưa thành niên. Hội đồng xét xử thấy rằng hai con chung đang sống ổn định với bà L và nguyện vọng muốn sống với mẹ, để không ảnh hưởng đến cuộc sống của hai con chung và bảo đảm quyền lợi mọi mặt của hai con chung nên để bà L trực tiếp nuôi con chung là phù hợp. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Phan Thị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phan Thị L và ông Phan Thanh N.

2. Về nuôi con chung: Giao hai con chung tên Phan Thịnh P, sinh ngày 07/01/2008 và Phan Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 30/12/2015 cho bà Phan Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Phan Thanh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Phan Thị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007819 ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Long An;
- VKS huyện Châu Thành;
- THA huyện Châu Thành;
- UBND xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu HS.